

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Văn Vui và bà Huỳnh Thị Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Xuân M năm: 1989; căn cước công dân số 046089000804, cấp ngày 02/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C1 thường trú: Thôn C, xã L, thành phố H mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Lê Xuân M Cao Thị T Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố H Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Đ năm: 1992; căn cước công dân số 046192000784 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ C1 cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn C, xã L, thành phố H (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lê Hoàng L* Lê Thị C T1 và Lê Thị C T2 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của anh Lê Xuân M2 Bà Trương Thị Hồng N giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố H Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Xuân M3 bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị Đtự N1 đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T1(nay là xã N), thành phố HSau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống với gia đình chồng tại thôn C, xã H (nay là xã L), thành phố HVào tháng 06/2019, chị Đ1 đi làm ăn và bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay mà không báo cho anh, gia đình cũng như chính quyền địa phương biết đi đâu, làm gì. Anh và gia đình đã tìm kiếm chị Hồ Thị Đ2 lần nhưng không có tin tức. Đến nay chị Đ3 không trở về địa phương, không ai gặp và biết tin chị Đ4 tại ở đâu. Anh đã đăng tin tìm kiếm chị Đ5 vẫn không có tin tức. Ngày 01/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (nay là Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế) đã ra Quyết định số 18/2025/QĐST-DS về việc tuyên bố chị Hồ Thị Đmất T. Để ổn định cuộc sống, anh Lê Xuân M4 cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị Đ6

Về con chung: Anh với chị Hồ Thị Đ7 03 người con chung: Lê Hoàng L ngày 11/6/2011; Lê Thị C T1sinh ngày 15/11/2015; Lê Thị C T2sinh ngày 06/5/2018. Anh M4 cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Đ8 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh M5 yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân mang tên nguyên đơn; bản sao giấy khai sinh của các con; Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú; Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích; Giấy chứng nhận hộ nghèo; Đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí Toà án.

** Đối với bị đơn chị Hồ Thị Đ9* án nhân dân huyện P (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế) đã ra quyết định số 18/2025/QĐST-DS về việc tuyên bố chị Hồ Thị Đmất T. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không nhận được thông tin phản hồi nào của chị Đ14 không có ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân M2

** Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Lê Xuân M3 bày:* Anh Lê Xuân M6 chị Hồ Thị Đ10 ký kết hôn vào ngày 27/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T1(nay là xã N), thành phố H tỉnh thần tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ngày 01/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (nay là Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế) đã ra quyết định số 18/2025/QĐST-DS về việc tuyên bố chị Hồ Thị Đmất T. Để ổn định cuộc sống, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện cho anh Lê Xuân M7 ly hôn với chị Hồ Thị Đ11 nhận giao 03 người con chung cho anh M7 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đ12 bị tuyên bố mất tích và anh M5 yêu cầu chị Đ19 cấp dưỡng nuôi con nên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có ý kiến gì.

** Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lê Hoàng*

LLê Thị C T1 và Lê Thị C T2 trình bày:

Vợ chồng anh Lê Xuân M6 chị Hồ Thị Đ7 03 người con chung: Lê Hoàng L ngày 11/6/2011; cháu Lê Thị C T1 sinh ngày 15/11/2015; cháu Lê Thị C T2 sinh ngày 06/5/2018. Sau khi chị Đ13 đi từ tháng 06/2019 đến nay, các cháu được anh M17 tiếp nuôi dưỡng, không có sự chu cấp và quan tâm của chị Đ5 anh M8 đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu tốt nhất. Ngoài ra, chị Đ12 bị Toà án nhân dân huyện Phú Lộc (nay là Toà án nhân dân khu vực 4 - Huế) đã ra quyết định tuyên bố chị Hồ Thị Đmất T theo Quyết định số 18/2025/QĐST-DS ngày 01/4/2025. Và theo nguyện vọng của các cháu đều mong muốn tiếp tục sống với anh M14 tiếp tục ổn định cuộc sống của các cháu đề nghị Tòa án xem xét giao các cháu cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; về cấp dưỡng: Do anh M5 yêu cầu chị Đ19 cấp dưỡng nuôi con nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Xuân M9 án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Xuân M10 kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn chị Hồ Thị Đ14

quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Chị Đ16 Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế), thành phố H tuyên bố mất tích theo Quyết định số 18/2025/QĐST-DS ngày 01/4/2025. Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích của chị Hồ Thị Đ15 thôn C, xã H (nay là xã L), thành phố HCăn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hồ Thị Đ16 Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế), thành phố H mất tích nên không thể lấy lời khai, tiến hành hòa giải được, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nguyên đơn anh Lê Xuân M11 mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân M6 chị Hồ Thị Đ17 hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T1(nay là xã N), thành phố H đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 18/2025/QĐST-DS, ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4-Huế) đã tuyên bố chị Hồ Thị Đmất T. Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh M6 chị Đ12 không còn tồn tại trên thực tế, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân M12 Mđược ly hôn với chị Hồ Thị Đ6

[3.2] Về con chung: Anh Lê Xuân M6 chị Hồ Thị Đ7 03 người con chung là cháu Lê Hoàng L ngày 11/6/2011; cháu Lê Thị C T1sinh ngày 15/11/2015; cháu Lê Thị C T2sinh ngày 06/5/2018. Xét theo yêu cầu của anh M6 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi chị Đ13 đi cho đến nay, các cháu do anh M17 tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, mặc dù không có sự quan tâm và chu cấp của chị Đ18 người con chung này được anh M13 bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất về mọi mặt. Ngoài ra, chị Đ12 bị Tòa án tuyên bố mất tích và theo nguyện vọng của các cháu là mong muốn được tiếp tục ở với ba là Lê Xuân M14 tiếp tục ổn định cuộc sống cho cháu, cần chấp nhận giao cháu Lê Hoàng L1 Lê Thị C T1và cháu Lê Thị C T2cho anh M17 tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia

đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M5 yêu cầu chị Hồ Thị Đấp D nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh M5 yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Xuân M15 người đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; thuộc hộ nghèo; anh M16 có đơn yêu cầu được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế; quan điểm của các Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân M2

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân M7 ly hôn với chị Hồ Thị Đ6

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng L ngày 11/6/2011; cháu Lê Thị C T1 sinh ngày 15/11/2015; cháu Lê Thị C T2 sinh ngày 06/5/2018 cho anh Lê Xuân M17 tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh M5 yêu cầu chị Hồ Thị Đ19 cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh M5 yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Xuân M7 miễn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Xuân M6 bị đơn chị Hồ Thị Đ20 mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Nam Đông;
- Dương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Vương Văn Vui Huỳnh Thị Thanh
TânNguyễn Thái Hà**

Nguyễn Văn Mạnh

